CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Số 121 Lê Lợi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán
Công Nghiệp Việt Nam
121 Lê Lợi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Tel: (08) 3915 2188
Fax: (08) 3921 2189
Website: www.isc.vn
Email: info@isc.vn

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2017

Mục lục

I. Thông tin chung 1

1. Thông tin khái quát 1

Quá trình hình thành và phát triển 1

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 1

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 2

4. Định hướng phát triển 3

5. Các rủi ro 4

II. Tình hình hoạt động trong năm 6

1. Tình hình thị trường chứng khoán năm 2016 6

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 7

3. Tổ chức và nhân sự 8

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 9

5. Tình hình tài chính 9

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 11

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 11

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc 12

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2016 12

2. Tình hình tài chính 15

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 16

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 16

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội 16

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty 16

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 16

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 17

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 17

V. Quản trị công ty 18

1. Hội đồng quản trị 18

2. Ban Kiểm soát 18

3. Các giao dịch,thù lao,các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGDD và BKS 19

VI. Báo cáo tài chính 19

1. Ý kiến kiểm toán 19

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 21

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/08/2008.
- Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VNĐ (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 135.000.000.000 VNĐ (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).
- Địa chỉ: 121 Lê Lợi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08.3915.2188.
- Số fax: 08.3915.2189.
- Website: www.isc.vn.

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 12/08/2008 UBCKNN cấp giấy phép hoạt động số 95/UBCK-GP cho Công ty cổ phần chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (ISC).
- Ngày 25/12/2008 ISC là thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán, giấy chứng nhận đăng ký thành viên số 101/GCNTVLK, mã thành viên: 096.
- Ngày 06/03/2008 là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.
- Ngày 09/03/2008 là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 01/04/2009 chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Tp Hồ Chí Minh.
- Ngày 11/05/2009 thành lập chi nhánh Hà Nội tại 108 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Ngày 20/01/2010 ISC thực hiện tăng vốn điều lệ từ 35 tỉ đồng lên 135 tỉ đồng.
- Ngày 16/03/2016 ISC được UBCKNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo số 06/GPĐC-UBCK về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
  - ✓ Môi giới chứng khoán;
  - ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán;
  - ✓ Tư vấn tài chính doanh nghiệp;

- ✓ Lưu ký chứng khoán;
- ✓ Tự doanh chứng khoán;

– Địa bàn kinh doanh: trong cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị ISC bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối.

– Cơ cấu bộ máy quản lý

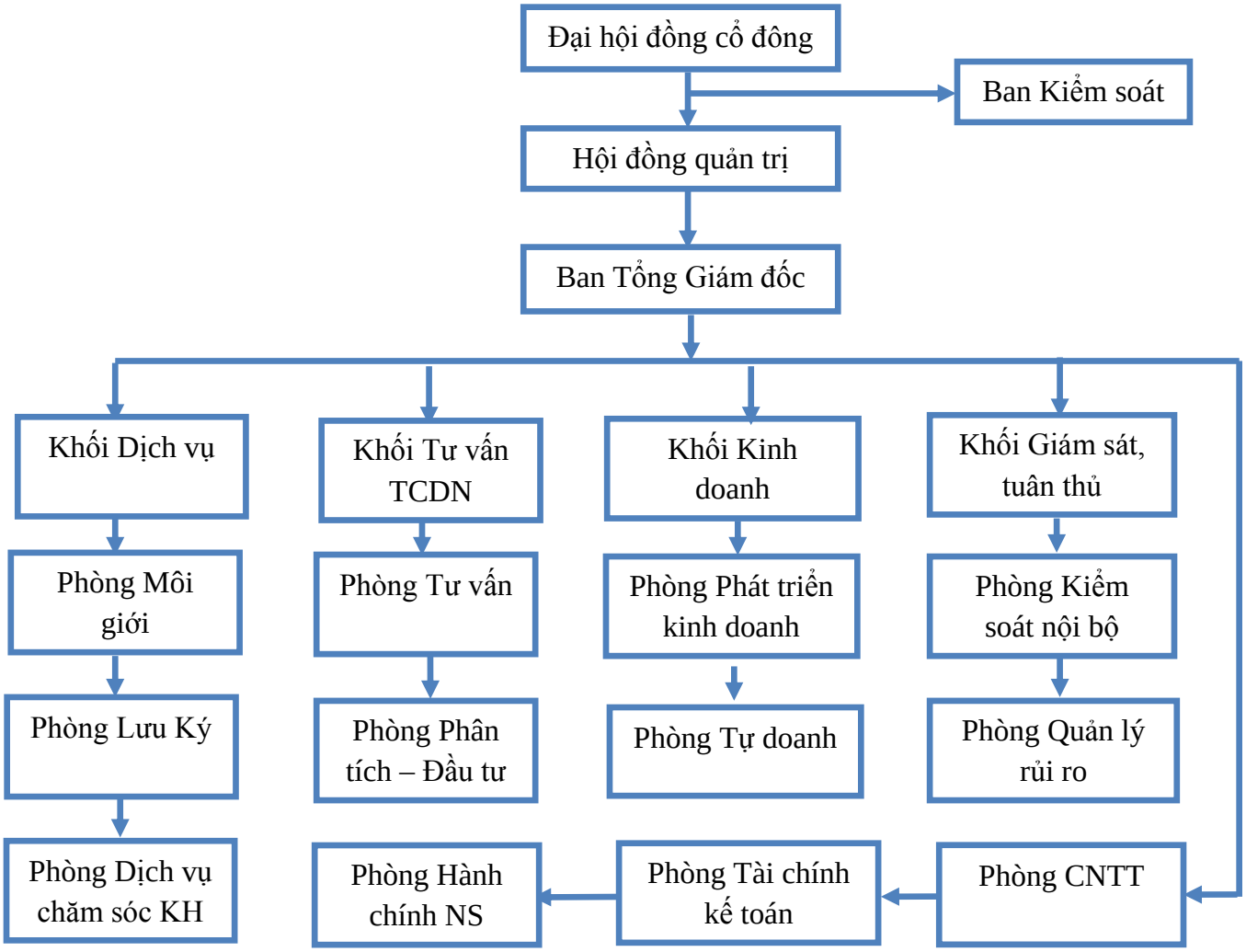

– Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- ✓ Cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho các nhà đầu tư, từng bước mở rộng thị trường, đẩy mạnh kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động. Công ty được thành lập với mục đích tham gia cung cấp những nghiệp vụ chứng khoán chuyên nghiệp, góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán với phương châm "An toàn, hiệu quả, chuyên nghiệp và cạnh tranh".
- ✓ Với mong muốn phát triển ổn định và bền vững, ISC luôn đặt uy tín lên hàng đầu, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo hướng minh bạch, hiệu quả và hài hòa lợi ích của tất cả các bên liên quan, đưa ISC trở thành một trung gian định chế tài chính đáng tin cậy của thị trường.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- ✓ Chủ trương duy trì và chăm sóc tốt cho khách hàng hiện tại, tạo thêm nhiều sự thu hút và ưu đãi để khai thác nguồn khách hàng tương lai.
- ✓ Không ngừng cải tiến các nghiệp vụ kinh doanh để nâng cao uy tín và sự chuyên nghiệp của ISC.
- ✓ Thiết lập hệ thống cơ cấu tổ chức cho ISC theo hướng chuyên môn hóa, có sự phân cấp rõ ràng, nâng cao chất lượng các dịch vụ cốt lõi như môi giới, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tích cực đẩy mạnh vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát rủi ro, tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cải thiện và đổi mới công tác quản trị.
- ✓ Về công nghệ: tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm giao dịch chứng khoán, trang thông tin điện tử chuyên nghiệp hơn, thân thiện hơn để đẩy mạnh hoạt động giao dịch trực tuyến; xây dựng và nâng cấp hệ thống theo công nghệ mới nhất của thị trường hiện nay cùng với cơ sở dữ liệu chứng khoán cho bộ phận Phân tích, đầu tư.
- ✓ Về quy mô: tiếp tục định hướng 2017 sẽ mở rộng quy mô công ty, tăng vốn điều lệ nhằm tăng nguồn lực tài chính cho công ty, mở rộng các hoạt động nghiệp vụ như giao dịch ký quỹ, đầu tư tự doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phạm vi vốn điều lệ cho phép theo quy định.

– Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn:

- ✓ ISC xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, thực hiện các chương trình từ thiện là một trong những chương trình hành động vì sự phát triển bền vững trong giai đoạn tới của ISC.
- ✓ Đến thời điểm 31/12/2016, tổng số nhân viên là 27 người, trong đó có 10 người

có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

- ✓ Chính sách sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
  - + ISC tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Đặc biệt là lao động nữ được hưởng đầy đủ chế độ thai sản theo đúng Luật Lao động.
  - + Năm 2016 Công ty đã tổ chức cho nhân viên đi tham quan và các hoạt động đoàn thể nhân dịp Lễ, Tết, tạo điều kiện cho gia đình các nhân viên làm việc trong công ty có dịp gặp gỡ, giao lưu và chia sẻ với nhau.
  - + Hằng năm, để đảm bảo môi trường làm việc được an toàn, tại trụ sở ISC được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ, đăng ký cho nhân viên đi tập huấn phòng cháy chữa cháy tại Cơ sở Phòng cháy chữa cháy Quận 1.
- ✓ Do đặc thù là công ty chứng khoán nên ISC luôn đề cao tinh thần tuân thủ đạo đức nghề nghiệp người hành nghề chứng khoán và nghiên cứu đầy đủ các chính sách, văn bản liên quan đến quản trị rủi ro, phòng chống rửa tiền.
- ✓ Bên cạnh đó, ISC sẽ tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho nhân viên được đi đào tạo nâng cao bằng cấp hoặc các khóa học chuyên môn nếu họ có nhu cầu.

5. Các rủi ro:

a. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của ngành Chứng khoán nói chung và với Công ty nói riêng. Sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong đó có liên quan chặt chẽ tới sự phát triển kinh tế Việt Nam. Nền kinh tế Việt Nam phát triển sẽ là động lực khuyến khích các Doanh nghiệp trong nước mở rộng sản xuất, tìm kiếm cơ hội làm ăn đồng thời thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Điều này sẽ mang lại phản ứng tích cực đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngược lại, khi nền kinh tế chậm phát triển sẽ có ảnh hưởng tiêu cực với tốc độ phát triển của các doanh nghiệp và gián tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường chứng khoán.

b. Rủi ro về chính sách

Những chính sách của Chính phủ, Nhà nước, các Bộ ngành có liên quan, có ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp tới thị trường chứng khoán. Các chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà Nước như lãi suất cơ bản, hỗ trợ lãi suất, mở van tín dụng…đều tác động rất lớn tới sự tăng giảm các chỉ số, giá cổ phiếu và thanh khoản của thị trường chứng khoán. Các chính sách thuế cũng tác động không nhỏ tới hoạt động đầu tư của các tổ chức và các quỹ đầu tư.

c. Rủi ro về luật pháp

Lĩnh vực hoạt động của ISC là thị trường chứng khoán – thị trường vốn, là một lĩnh vực nhạy cảm và có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt hoạt động của xã hội. Các hoạt động của các công ty chứng khoán, bao gồm ISC đều bị điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành

và cơ quan chức năng liên quan khác.

Do vậy, việc thay đổi, bổ sung, chậm trễ ban hành các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chứng khoán, thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ, thị trường vốn, các loại thuế đều có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của ISC.

d. Rủi ro hoạt động

Đây là rủi ro mang tính chất đặc thù của thị trường chứng khoán, xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ sự dịch chuyển vòng quay các khoản phải thu bị chậm trễ do nhiều yếu tố khách quan, hoặc các khoản chi phí phát sinh ngoài mong muốn như nhân viên viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh..

Hiểu được các phương diện rủi ro hoạt động này, nên ISC đã sớm xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro và luôn thường xuyên kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra.

e. Rủi ro cạnh tranh

Những công ty chứng khoán có quy mô lớn, có những lợi thế riêng biệt trong khâu hỗ trợ nguồn vốn hoạt động, phát triển mạng lưới chi nhánh phục vụ, hỗ trợ khách hàng và tìm kiếm khách hàng là những đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty.

Trong lĩnh vực chứng khoán, chất xám là tài sản vô cùng quý giá của bất kỳ một công ty chứng khoán nào. Hiện nay với sự cạnh tranh trực tiếp và sự xuất hiện ngày càng nhiều của các công ty chứng khoán trong nước cũng như các công ty quản lý quỹ đầu tư, các quỹ đầu tư nước ngoài với chính sách lương hấp dẫn, chế độ đãi ngộ tốt, việc di chuyển nhân sự quản lý giỏi, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt từ công ty này sang công ty khác đang là một thách thức trên thị trường. Việc tuyển dụng thêm nhân sự vào các vị trí lãnh đạo cao cấp là rất cấp bách.

f. Rủi ro thanh khoản

Là định chế tài chính trung gian, nên các công ty chứng khoán sẽ không tránh khỏi việc gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu dòng tiền đối ứng.

ISC đã giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho hoạt động thanh toán bù trừ của Công ty và để giảm thiểu những thay đổi các luồng tiền.

g. Rủi ro đối với môi trường

Với bản chất là hoạt động dịch vụ tài chính, tác động của ISC ảnh hưởng đến ô

nhiễm môi trường nhìn chung là không cao. Tuy nhiên, ISC luôn quan niệm rằng việc bảo vệ môi trường có thể bắt nguồn từ các hoạt động nhỏ nhất. Cùng cộng đồng hướng tới xây dựng một môi trường xanh sạch đẹp, ISC đã phát động và duy trì nhiều phong trào như tiết kiệm giấy in, phân loại rác vô cơ hữu cơ, phong trào trồng cây văn phòng xanh... Tuy hành động nhỏ nhưng những điều đó đã và đang góp phần xây dựng ý thức cho từng nhân viên, để mỗi nhân viên trở thành một công dân văn minh, luôn có ý thức bảo vệ môi trường chung, giữ gìn mỹ quan chung cho thành phố.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình thị trường chứng khoán năm 2016

Khép lại một năm 2016 cho thị trường chứng khoán Việt Nam với những diễn biến được cho là khá tích cực. Mặc dù chịu nhiều tác động từ những bất ổn của tình hình kinh tế, chính trị thế giới như sự kiện Brexit, bầu cử Tổng thống Mỹ, sự giảm tốc của kinh tế Trung quốc.. nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt. Kết thúc năm 2016, VN- Index ở mức 664,87 điểm, tăng 15,75% so với thời điểm cuối năm 2015. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index tăng nhẹ 0,2% lên mức 80,12 điểm. Trong năm vừa qua, chỉ số VN- Index đã có lúc lập đỉnh với điểm số 690 (cao nhất trong vòng 9 năm kể từ năm 2008), P/E toàn thị trường tăng ở mức 12 lên vùng 15-16 trong những tháng cuối năm. Mức vốn hóa thị trường đạt trên 1.900 nghìn tỷ đồng, tương đương 45,5% GDP, tăng 40% so với năm 2015. Thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt 6.890 tỷ đồng/phiên, tăng 39% so với cuối năm 2015.

Thị trường trái phiếu cũng diễn ra sôi động với 590 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt gần 934 nghìn tỷ đồng, tăng 22,5%. Hoạt động nhà đầu tư diễn ra khá tích cực với khoảng 1,67 triệu tài khoản, tăng 100 nghìn tài khoản so với năm 2015.

Sự phân hóa dòng tiền mạnh và sự bứt phá của các tổ chức có số cổ phiếu vốn hóa lớn đã tạo mức tăng ấn tượng 15,75% cho chỉ số VN- Index năm 2016. Đặc biệt, riêng hai mã ROS và SAB đã đóng góp hơn 7% tăng trưởng của Vn- Index. Độ phân hóa của thị trường tăng mạnh khi giai đoạn nửa đầu năm chứng kiến cuộc chạy đua từ nhóm cổ phiếu cơ bản vốn hóa trung bình được hưởng lợi trực tiếp từ các yếu tố như giá hàng hóa phục hồi, hoạt động nới room, thoái vốn. Sang nửa cuối năm 2016, dòng tiền rút dần ra và chỉ còn tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn mới niêm yết hay nhóm ngành thép.

Hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp diễn ra khá tích cực và sôi nổi. Trong 11 tháng đầu năm đã có 66 doanh nghiệp đấu giá cổ phần hóa với tổng giá trị đạt hơn 8,1 nghìn tỷ đồng, tổ chức 32 đợt đấu giá thoái vốn Nhà nước với tổng giá trị đạt 2,6 nghìn tỷ đồng.

Năm 2016 cũng là năm mang đậm dấu ấn từ sự chi phối của các tổ chức lớn khi các quỹ mở huy động thêm được hơn 900 tỷ đồng, nâng tổng quy mô quản lý quỹ của

các quỹ mở lên 3.484 tỷ (tăng 60% so với năm 2015). Bên cạnh đó, sự tham gia của các quỹ ngoại đến từ Hàn Quốc và Nhật Bản góp phần gia tăng ảnh hưởng của nhóm các nhà đầu tư tổ chức lên thị trường.

Hoạt động bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài vào những tháng gần cuối năm đã tạo làn sóng rút vốn ra khỏi thị trường mới nổi. Giá trị bán ròng riêng trên sàn HSX đã lên tới 7,9 nghìn tỷ đồng, nhiều hơn giá trị mua ròng của cả hai năm 2014 và 2015 cộng lại. Do một số nguyên nhân như: chỉ số VN- Index sau giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ đã không còn nằm trong vùng mua thực sự hấp dẫn.. Nhưng với tâm lý hiệu ứng domino, đây được cho là bước chuẩn bị cho việc đón đầu xu thế FED tăng lãi suất và sự mạnh lên đáng kể không ngừng của đồng USD vào năm 2017.

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2016:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu hoạt động	11.916	7.472
2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.355	65
3. Thu nhập khác	4.064	4.777
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	5.955	2.311
5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán	7.260	8.624
6. Lợi nhuận trước thuế	4.121	1.378
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.269	1.113
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	179 đồng	82 đồng

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 của Công ty.

– Năm 2016 được đánh giá là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, nhờ vào sự linh hoạt cũng như sự nhạy bén nắm bắt xu hướng thị trường, ISC đã đạt được mức tăng trưởng cao về doanh thu lẫn lợi nhuận so với năm 2015. Doanh thu hoạt động đạt 11,9 tỷ đồng, tăng 59,47% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 4,1 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng ấn tượng là 199,06%. Chỉ số EPS cũng tăng vượt bật 118,29% so với cùng kỳ 2015.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu	12.000	13.271	110,59%
2	Lợi nhuận trước thuế	5.000	4.121	82,42%

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Danh sách Ban điều hành và những thay đổi trong Ban điều hành:

a. Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Ông Trần Đức Thuận	1978	Chủ tịch HĐQT	-		4,90%
2	Bà Dương Quỳnh	1978	Thành viên HĐQT – TV HĐQT Độc lập	-		4,50%
3	Bà Ngô Thị Thanh	1982	Thành viên HĐQT	05/12/2016		3,9%
4	Ông Nguyễn Xuân Trường	1978	Thành viên HĐQT		21/07/2016	4,50%

b. Thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Ông Trần Đức Thuận	1978	Tổng Giám đốc			4,90%
2	Bà Dương Quỳnh	1978	Q.Kế toán trưởng	21/07/2016		4,50%
3	Ông Nguyễn Xuân Trường	1978	Kế toán trưởng		21/07/2016	4,50%

c. **Thành viên Ban kiểm soát**

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	Ông Dương Quang Thoại	1973	Trưởng ban	-		0,00%
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	1985	Thành viên	-		0,00%
3	Bà Phạm Thị Oanh	1986	Thành viên	31/05/2016		0,00%
4	Ông Nguyễn Huy Phương	1985	Thành viên	30/06/2014	31/05/2016	0,00%

3.2. Số lượng cán bộ công nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 27 người. Trong đó:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
A. Phân theo đối tượng lao động	**27**	**100,00%**
Lao động trực tiếp	16	59,26%
Lao động gián tiếp	11	40,74%
B. Phân theo trình độ lao động	**27**	**100,00%**
Trình độ đại học và trên đại học	25	92,59%
Trình độ trung cấp và cao đẳng	1	3,7%
Lao động phổ thông	1	3,7%

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng (giảm)
- Tổng giá trị tài sản	187.197	182.356	+ 2,65%
+ Tài sản ngắn hạn	170.186	149.598	+ 13,76%
+ Tài sản dài hạn	17.011	32.758	- 48,07%
- Tổng nguồn vốn	187.197	182.356	+ 2,65%
+ Nợ phải trả	33.569	31.138	+7,8%
* Nợ ngắn hạn	7.338	4.693	+56,36%
* Nợ dài hạn	26.231	26.445	-0,81%
+ Vốn chủ sở hữu	153.628	151.218	+1,59%
- Doanh thu thuần	11.916	7.472	+ 59,47%
- Lợi nhuận trước thuế	4.121	1.378	+199,06%
- Lợi nhuận sau thuế	3.269	1.113	+ 193,71%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 của Công ty.

b) Các chỉ tiêu tài chính về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015
1. Cơ cấu tài sản			
+ Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	9,09%	17,96%
+ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	90,91%	82,04%
2. Cơ cấu nguồn vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng nguồn vốn	%	17,93%	17,08%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	21,85%	20,59%
3. Khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	23,19	31,88
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	23,19	31,88
4. Tỷ suất lợi nhuận			
+ Tỷ suất ROA	%	1,74%	0,61%
+ Tỷ suất ROS	%	27,43%	14,89%
+ Tỷ suất ROE	%	2,13%	0,74%

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 13.500.000 cổ phiếu
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 13.500.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 135.000.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm tỷ đồng)

b) Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2016:

Stt	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				tổ chức	cá nhân
A	**Vốn cổ phần**	**13.500.000**	**100%**	**4**	**14**
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5.292.000	39,20%	4	0
2	Cổ đông nắm giữ từ 1% - 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	8.208.000	60,80%	0	14
3	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	0	0,00%	0	0
4	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0
B	**Trong đó:**				
1	Vốn Nhà nước	0	0,00%	0	0
2	Vốn nước ngoài	0	0,00%	0	0

Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết

STT	Tên cổ đông	Số lượng nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần Gemadept	1.323.000	9,80%
2	Công ty cổ phần Hàng Hải Ngân Hà	1.323.000	9,80%
3	Công ty cổ phần Bông Sen Vàng	1.323.000	9,80%
4	Công ty TNHH DV VT Tổng hợp VNM	1.323.000	9,80%
Tổng cộng		**5.292.000**	**39,20%**

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

7.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Trong năm qua, công ty khôn bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và

các quy định về môi trường.

7.2 Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động năm 216 có tổng nhân viên là 27 người.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: ISC luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ nhân viên trong công ty qua các sự kiện của năm như 8/3, trung thu, giáng sinh, tất niên…

- Hoạt động đào tạo người lao động: trong năm công ty cũng đã tổ chức một số buổi đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao đọng có thể học chuyên sâu và nâng cao (nếu có nhu cầu).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2016

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

Năm 2016, trước bối cảnh thị trường chứng khoán phải tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, đặc biệt làn sóng phân hóa thị phần diễn ra ngày càng mạnh mẽ và quyết liệt, ISC cũng đứng trước những thách thức lớn để tồn tại và phát triển. Với sự chỉ đạo của HĐQT, sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc và quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên, công ty đã đạt được những kết quả vượt bật so với năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% Tăng trưởng
1. Doanh thu hoạt động	11.916	7.472	+ 59,47%
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	*2.694*	*1.020*	*+164,12%*
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	*1.901*	*885*	*+114,80%*
- Doanh thu môi giới chứng khoán	*5.366*	*3.856*	*+ 39,16%*
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	*1.396*	*1.270*	*+ 9,92%*
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	*356*	*261*	*+ 36,40%*
- Thu nhập hoạt động khác	*204*	*179*	*+ 13,97%*

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% Tăng trưởng
2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.355	65	+1.985%
3. Thu nhập khác	4.064	4.777	- 14,93%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	5.955	2.311	+ 157,68%
5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán	7.260	8.624	- 15,82%
6. Lợi nhuận trước thuế	4.121	1.378	+199,06%
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.269	1.113	+ 193,71%
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	179 đồng	82 đồng	+118,29%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2016 của Công ty

❖ ***Hoạt động môi giới chứng khoán***

- Mặc dù hoạt động môi giới bị cạnh tranh khốc liệt bởi các công ty chứng khoán khác, doanh thu môi giới chứng khoán của ISC năm 2016 vẫn đạt hơn 5,36 tỷ đồng, tăng 39,16% so với năm 2015.
- Trước bối cảnh đó, ISC đang từng bước khẳng định mình thông qua việc mở rộng các dịch vụ sản phẩm, phạm vi hoạt động cũng như tìm kiếm, khai thác nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Trong năm công ty đã gia tăng lượng tài khoản khách hàng cá nhân lẫn tổ chức, và tính đến thời điểm cuối năm công ty đã có 3.585 tài khoản với tổng giá trị giao dịch mua bán trong năm là 3.366 tỷ đồng.
- Trong năm 2016, công ty đã tiếp tục tăng cường công tác tuyển dụng nhân sự kinh doanh cho hoạt động môi giới, gia tăng nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty. Song song với việc phát triển khách hàng mới khối môi giới vẫn phải tập trung phần lớn nguồn lực về nhân sự nhằm chăm sóc, tư vấn cho khách hàng cũ... Qua đó, công ty vẫn duy trì được lượng khách hàng cũ giao dịch ổn định và thường xuyên.

❖ ***Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp***

- Khác với sự giảm nhẹ về doanh thu năm 2015, doanh thu hoạt động dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp năm 2016 có sự chuyển hướng tích cực. Nếu doanh thu giảm nhẹ 9,3% so với năm 2014, bằng các biện pháp định hướng phát triển được vạch ra từ đầu năm, ISC đã đạt 1,39 tỷ đồng doanh thu từ các hoạt động phát triển nhiều loại dịch vụ tư vấn khác nhau, tương ứng mức tăng trưởng 9,92% so với

cùng kỳ năm 2015. Lợi nhuận gộp đạt hơn 862 triệu đồng, chiếm 14,46% tỷ trọng trong cơ cấu lợi nhuận hoạt động của công ty.

- Trong thời gian tới, ISC sẽ tiếp tục chú trọng đặc biệt đến nâng cao chất lượng của các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Ngoài các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp mà ISC cung cấp cho khách hàng hiện nay bao gồm các dịch vụ trọn gói như tư vấn cổ phần hoá, tư vấn phát hành, niêm yết cổ phiếu, tư vấn mua bán sáp nhập...., nâng cao vị thế của công ty để trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp

❖ ***Hoạt động khác***

- Doanh thu mảng hoạt động khác năm 2016 đạt 6,51 tỷ đồng. Bên cạnh sự tăng trưởng về doanh thu hoạt động khá cao, chi phí cũng tỷ lệ thuận không nhỏ với sự gia tăng theo doanh số.
- Chi phí quản lý công ty có phần sụt giảm 15,82% so với cùng kỳ.

b. Đánh giá tình hình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016

Đơn vị tính : triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch năm 2016			So với năm liền kề		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	12.000	13.271	110,59%	7.472	11.916	+59,47%
2	Lợi nhuận trước thuế	5.000	4.121	82,42%	1.378	4.121	+199,06%

- Công ty xuất phát điểm là một công ty chứng khoán với thị phần tương đối nhỏ và còn nhiều khó khăn đang chờ đón phía trước nhưng trong năm 2016, công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra về tổng doanh thu hoạt động với mức hoàn thành đạt 110,59% so với kế hoạch.
- Tuy tỷ lệ lợi nhuận trước thuế thực hiện so với kế hoạch chỉ dừng ở mức 82,42%, nhưng với những nỗ lực không ngừng phát triển như hiện nay, ISC sẽ tiếp tục phát huy tối đa tiềm lực sức mạnh về con người lẫn công nghệ để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và ổn định lâu dài.
- Chi phí hoạt động kinh doanh tăng mạnh 157,68% so với năm 2015 do sự tăng trưởng doanh thu hoạt động kéo theo chi phí hoạt động cũng gia tăng.
- Trong thời gian tới, công ty sẽ tích cực kiểm soát công tác thực hiện quản lý chi

phí, cắt giảm tối đa, triệt để các hoạt động không mang lại hiệu quả kinh doanh thực sự cho công ty.

- Chỉ tiêu An toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 của công ty là 282,90% trên mức yêu cầu tối thiểu (180%) theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán nhà nước.

1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Kết thúc năm 2016, tiếp nối một năm với nhiều khó khăn và những diễn biến không thuận lợi từ năm 2015 đối với thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng, dù vậy ISC cũng đã có những tiến bộ trong năm qua về chuyển biến tích cực trong định hướng kinh doanh và tăng cường giám sát, quản trị rủi ro trong toàn hệ thống góp phần trrong việc đưa công ty đứng vững trong bối cảnh khó khăn chung của toàn thị trường.

- Về chuyển biến kịp thời trong định hướng kinh doanh toàn công ty: Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều chính sách cắt giảm chi phí không cần thiết, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ khác, hợp tác cho thuê văn phòng nhằm tăng thêm thu nhập cho công ty.
- Xây dựng kế hoạch và cơ chế khuyến khích kinh doanh, nhằm tăng thêm doanh thu cho công ty.
- Giám sát và quản trị rủi ro: Tăng cường giám sát việc thực hiện quy chế, nội quy, kỷ luật lao động, việc sử dụng lao động, thời gian làm việc…..của các phòng ban và của toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty. Đồng thời nâng cao công tác phòng ngừa và quản trị rủi ro, nhằm hạn chế đến mức tối đa những thiệt hại có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của toàn công ty.
- Về nghiệp vụ kinh doanh: Ngày 16/03/2016 ISC được UBCKNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo số 06/GPĐC-UBCK về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán. Đây có thể nói là một bước đột phá mới, tạo tiền đề cho sự phát triển, thành công bền vững cho công ty.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Tài sản ngắn hạn	170.186	149.598	+ 13,76%
2	Tài sản dài hạn	17.011	32.758	- 48,07%
	Tổng cộng	187.197	182.356	+ 2,65%

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Nợ ngắn hạn	7.338	4.693	+56,36%
2	Nợ dài hạn	26.231	26.445	-0,81%
	Tổng cộng	**33.569**	**31.138**	**+7,81%**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thực hiện chủ trương chung trong việc tái câu trúc các công ty chứng khoán, ISC đã tái cơ cấu bộ máy quản lý, tập trung phát triển nguồn lực đang là thế mạnh, xây dựng các kế hoạch tài chính, rà soát cắt giảm các chi phí không cần thiết, không mang lại hiệu quả kinh doanh, khai thác và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, từ đó nâng cao tính ổn định và bền vững cho công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với mục tiêu trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam, ISC đã và đang xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên môi giới, nghiên cứu – phân tích, và tư vấn tài chính doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp. Xác định đội ngũ nhân lực là sức mạnh cốt lõi, đặc biệt chú trọng đến nguồn nhân lực ngay từ những bước tuyển chọn đầu tiên, ISC đã tập hợp được 1 đội ngũ nhân viên năng động, bản lĩnh, dày dặn kinh nghiệm, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước. Ngoài ra, ISC còn luôn chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Theo nội dung các mục tiêu phát triển bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Với đoạn đường khá dài gần 10 năm hoạt động, ISC đã có những bước tiến quan trọng, khẳng định được thương hiệu ISC trên thị trường tài chính. Công ty đã tiến hành xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn và chuyên nghiệp.

Trong năm 2016, ISC đã hoàn thiện được đội ngũ cán bộ nghiệp vụ chuyên sâu, xúc tiến triển khai các công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên để nâng cao chất lượng phục vụ, nhằm chuyên nghiệp hoá, nâng tầm hiệu quả tối đa cho từng nghiệp vụ kinh doanh.

Ngoài ra, ISC luôn tuân thủ đúng quy định về giao dịch đối với hai Sở giao dịch chứng khoán, tham gia đầy đủ và tuân thủ mọi yêu cầu của 2 Sở giao dịch chứng khoán để nâng cao năng lực của hệ thống công nghệ thông tin của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Trước tình hình thị trường chứng khoán gặp nhiều khó khăn, Ban Tổng giám đốc đã đề ra các chương trình, các giải pháp và quyết định phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo hiệu quả trong điều hành kinh doanh, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Các hoạt động của Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, các quy định của luật pháp và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo sự phát triển của Công ty và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong hoạt động kinh doanh, tái cấu trúc nguồn vốn, tài chính, nhằm đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty và tối ưu hoá nguồn thu.
- Kiểm soát chặt chẽ chính sách chi tiêu, nâng cao hiệu suất làm việc của nhân viên.
- Kiểm soát chất lượng dịch vụ, tăng cường đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên.
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban điều hành, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản lý rủi ro tài chính.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự, quy trình làm việc, áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh tiên tiến, các bộ định mức, quy chế giám sát, kiểm soát nội bộ, các hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo bộ máy quản lý điều hành giám sát hoạt động chuyên nghiệp, trách nhiệm cao và có hiệu quả, cam kết mang lại lợi ích cho các cổ đông.
- Kiện toàn khối Dịch vụ Chứng khoán, tập trung phát triển mảng môi giới chứng khoán và dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, nâng cao chất lượng phục vụ và thị phần môi giới.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/ Độc lập không điều hành	Chức vụ tại các tổ chức khác	Số cổ phần sở hữu
1	Trần Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	T.V BKS CTCP Gemadept	661.500
2	Bà Dương Quỳnh	TV HĐQT	TV HĐQT Độc lập	Không	607.500
3	Bà Ngô Thị Thanh	TV HĐQT	Không điều hành	Không	526.000

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh quý, 6 tháng, hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm, giải quyết các vấn đề phát triển thị trường, các định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh.

Qua các cuộc họp HĐQT quyết định các vấn đề chính sau:

- Nội dung Đại hội đồng cổ đông năm 2016, quyết định kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2017.
- Các quyết định quản lý điều hành công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Thông qua kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính các quý và năm 2016.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ
1	Ông Dương Quang Thoại	1973	Trưởng ban	0

2	Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	1985	Thành viên	0
3	Bà Phạm Thị Oanh	1986	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

– Ban kiểm soát có 03 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

– Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, theo sát tình tình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

– Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý, báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016 đã soát xét và BCTC năm 2016.

– Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của ban Tổng giám đốc điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Trong năm HĐQT đã nhận thù lao theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội
- Ý kiến kiểm toán viên:

  Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Vấn đề cần nhấn mạnh:

  Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty mua nợ chuyển đổi. Công ty có thực hiện hoạt động mua bán nợ chuyển đổi theo Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC – 02/04-2015

được ký vào ngày 09/04/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC). Theo đó, SCSC đồng ý bán một phần nợ chuyển đổi phát hành năm 2015 cho Công ty với giá trị khoản nợ chuyển đổi là 29.383.000.000đồng, thời hạn trả nợ là trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hợp đồng mua nợ chuyển đổi, lãi suất đơn 4%/năm (lãi suất này sẽ không áp dụng đối với phần khoản nợ chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phần), thanh toán lãi một lần vào ngày tròn năm của khoản nợ chuyển đổi. Khoản nợ sẽ được chuyển đổi thành cổ phần SCSC như sau: sau 12 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 60% số nợ trên thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000đồng/cổ phần, sau 24 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 40% số nợ còn lại thành cổ phần cua SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000đồng/cổ phần. Nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC không đạt trên 60% (so với năm trước) thì không thực hiện việc chuyển đổi, SCSC sẽ hoàn trả nợ gốc cho công ty. Nếu chuyển đổi thì SCSC sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành. Nguồn vốn thực hiện khoản đầu tư trên bao gồm vốn tự có của Công ty (2.938.000.000 đồng) và vốn huy động (26.445.000.000đồng). Vốn huy động là vốn nhận được từ Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với một doanh nghiệp khác. Theo đó, doanh nghiệp này sẽ góp vốn tương ứng với tỷ lệ 90% trên tổng vốn dùng để mua nợ chuyển đổi trên và Công ty góp vốn tương ứng với tỷ lệ 10% trên tổng vốn này. Sau khi kết thúc thời hạn hợp tác, hiệu quả hợp tác góp vốn đầu tư được phân chia theo tỷ lệ Công ty và doanh nghiệp khác 10:90. Tại ngày 29 tháng 06 năm 2016, 60% số nợ đã được chuyển đổi thành 1.469.150 cổ phần tương ứng giá trị là 17.629.800.000 đồng (Thuyết minh số 6a Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) theo Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần số CD2149 do Công ty SCSC cấp cho Công ty (hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành). Đồng thời Công ty cũng nhận được khoản lãi theo quy định của hợp đồng là 1.191.643.887 đồng (Thuyết minh số 28 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) trong đó lãi Công ty được hưởng là 119.164.389 đồng và lãi doanh nghiệp khác được hưởng là 1.072.479.500 đồng đã được Công ty thanh toán vào ngày 12 tháng 09 năm 2016. Các hợp đồng liên quan tới giao dịch này đã được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán tại công văn số 10016/2016-ISC ngày 22 tháng 06 năm 2016.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 30 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản thu nhập khác từ cho thuê mặt bằng của Công ty. Công ty chưa đăng ký ngành nghề cho thuê tài sản.

Ngoài ra, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 37 về việc trình bày lại thông tin so sánh do việc thay đổi chế độ kế toán.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xem phụ lục đính kèm.

CTCP CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TRẦN ĐỨC THUẬN

CPA HANOI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Thành viên hãng AicA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

MỤC LỤC *Trang*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 01 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN 04 - 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 *07 - 10*

Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 *11 - 12*

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016 *13 - 15*

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2016 *16*

Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016 *17 - 51*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	135.000.000.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong năm:	Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
Trụ sở chính:	Số 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	*Vị trí*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Trần Đức Thuận	Chủ tịch	-	-
Bà Dương Quỳnh	Thành viên	-	-
Bà Ngô Thị Thanh	Thành viên	05/12/2016	-
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	-	21/07/2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	*Vị trí*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Trần Đức Thuận	Tổng Giám đốc	-	-

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT *(tiếp theo)*

Ban Kiểm soát

Họ và tên	*Vị trí*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Dương Quang Thoại	Trưởng ban	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	-	-
Bà Phạm Thị Oanh	Thành viên	31/05/2016	-
Ông Nguyễn Huy Phương	Thành viên	30/06/2014	31/05/2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Đức Thuận.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Địa chỉ: 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (08) 3915 2188 Fax: (08) 3915 2189

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

S.G.P: 95 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH

Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 17-2-0015/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam ("Công ty"), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017, từ trang 07 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty mua nợ chuyển đổi. Công ty có Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 được ký vào ngày 09/04/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC). Theo đó, SCSC đồng ý bán một phần nợ chuyển đổi phát hành năm 2015 cho Công ty với giá trị khoản nợ chuyển đổi là 29.383.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hợp đồng mua nợ chuyển đổi, lãi suất đơn 4%/năm (lãi suất này sẽ không áp dụng đối với khoản nợ chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phần), thanh toán lãi một lần vào ngày tròn năm của khoản nợ chuyển đổi. Khoản nợ sẽ được chuyển đổi thành cổ phần SCSC như sau: sau 12 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 60% số nợ trên thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần, sau 24 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 40% số nợ còn lại thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần. Nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC không đạt trên 60% (so với năm trước) thì không thực hiện việc chuyển đổi, SCSC sẽ hoàn trả nợ gốc cho Công ty. Nếu chuyển đổi thì SCSC sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành. Nguồn vốn thực hiện khoản đầu tư trên bao gồm vốn tự có của Công ty (2.938.000.000 đồng) và vốn huy động (26.445.000.000 đồng). Vốn huy động là vốn nhận được từ Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với một doanh nghiệp khác. Theo đó, doanh nghiệp này sẽ góp vốn tương ứng với tỷ lệ 90% trên tổng vốn dùng để mua nợ chuyển đổi trên và Công ty góp vốn tương ứng với tỷ lệ 10% trên tổng vốn này. Sau khi kết thúc thời hạn hợp tác, hiệu quả hợp tác góp vốn đầu tư được phân chia theo tỷ lệ Công ty và doanh nghiệp khác là 10:90. Tại ngày 29 tháng 06 năm 2016, 60% số nợ đã được chuyển đổi thành 1.469.150 cổ phần tương ứng giá trị là 17.629.800.000 đồng (Thuyết minh số 6a Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) theo Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần số CD2149 do Công ty SCSC cấp cho Công ty (hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành). Đồng thời Công ty cũng nhận được khoản lãi theo quy định của hợp đồng là 1.191.643.887 đồng (Thuyết minh số 28 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) trong đó lãi Công ty được hưởng là 119.164.389 đồng và lãi doanh nghiệp khác được hưởng là 1.072.479.500 đồng đã được Công ty thanh toán vào ngày 12 tháng 09 năm 2016. Các hợp đồng liên quan tới giao dịch này đã được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán tại công văn số 10016/2016-ISC ngày 22 tháng 06 năm 2016.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 30 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản thu nhập khác từ cho thuê mặt bằng của Công ty. Công ty chưa đăng ký ngành nghề cho thuê tài sản.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến thuyết minh số 37 về việc trình bày lại thông tin so sánh do việc thay đổi chế độ kế toán.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 08 (tám) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam giữ 07 (bảy) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tô Quang Dũng – Giám đốc	**Hồ Đình Phúc – Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1	Số Giấy CN ĐKHN: 1268-2015-016-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**170.186.523.777**	**149.598.059.932**
Tài sản tài chính	***110***		***169.735.532.198***	**149.261.304.917**
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	*4*	123.359.247.438	144.130.717.086
Tiền	*111.1*		*7.359.247.438*	*6.130.717.086*
Các khoản tương đương tiền	*111.2*		*116.000.000.000*	*138.000.000.000*
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	*6a*	17.629.800.000	-
Các khoản cho vay	114	*6b*	26.313.366.717	4.592.611.551
Các khoản phải thu	117	*6c*	126.111.111	258.878.000
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	*117.4*		*126.111.111*	*258.878.000*
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	*8*	198.000.000	-
Các khoản phải thu khác	122	*9*	24.803.462.039	22.973.553.387
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	*10*	(22.694.455.107)	(22.694.455.107)
Tài sản ngắn hạn khác	***130***		***450.991.579***	***336.755.015***
Tạm ứng	131		365.012.922	355.872.087
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	*11*	105.095.429	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		13.000.000	12.999.700
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		(32.116.772)	(32.116.772)
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**17.010.815.719**	**32.757.590.469**
Tài sản tài chính dài hạn	***210***		***11.753.200.000***	***29.383.000.000***
Các khoản đầu tư	212		11.753.200.000	29.383.000.000
Đầu tư dài hạn khác	*212.4*	*12*	*11.753.200.000*	*29.383.000.000*
Tài sản cố định	***220***		***1.938.300.334***	***143.040.730***
Tài sản cố định hữu hình	221	*13*	100.568.182	43.041.647
Nguyên giá	*222*		*6.797.411.210*	*6.775.195.115*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*223a*		*(6.696.843.028)*	*(6.732.153.468)*
Tài sản cố định vô hình	227	*14*	1.837.732.152	99.999.083
Nguyên giá	*228*		*3.424.058.000*	*1.154.058.000*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*229a*		*(1.586.325.848)*	*(1.054.058.917)*
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	***240***		-	***45.000.000***
Tài sản dài hạn khác	***250***		***3.319.315.385***	***3.186.549.739***
Chi phí trả trước dài hạn	252	*11*	159.891.942	265.949.900
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	*15*	3.159.423.443	2.920.599.839
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**187.197.339.496**	**182.355.650.401**

(Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**33.568.898.599**	**31.137.749.583**
Nợ phải trả ngắn hạn	***310***		***7.338.394.501***	***4.692.749.583***
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	*16*	77.573.632	112.384.773
Phải trả người bán ngắn hạn	320	*17*	1.899.859.801	1.489.914.993
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	*18*	1.221.374.418	1.033.991.786
Phải trả người lao động	323		927.231.815	729.453.772
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		182.681.922	94.640.521
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	*19*	948.000.000	72.821.291
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		408.240.000	408.240.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328	*20*	511.320.000	488.320.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	*21*	960.571.870	61.441.404
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		201.541.043	201.541.043
Nợ phải trả dài hạn	***340***		***26.230.504.098***	***26.445.000.000***
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353	*21*	26.230.504.098	26.445.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**153.628.440.897**	**151.217.900.818**
Vốn chủ sở hữu	***410***		***153.628.440.897***	***151.217.900.818***
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.584.000.000	145.584.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	*411.1*	*22*	*135.000.000.000*	*135.000.000.000*
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411.1a*		*135.000.000.000*	*135.000.000.000*
Thặng dư vốn cổ phần	*411.2*		*10.584.000.000*	*10.584.000.000*
Lợi nhuận chưa phân phối	417		8.044.440.897	5.633.900.818
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*417.1*		*8.044.440.897*	*5.633.900.818*
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**440**		**187.197.339.496**	**182.355.650.401**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Cuối năm VND*	*Đầu năm VND*
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	**006**	*23*	**13.500.000**	**13.500.000**
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	**012**		**14.691.500.000**	**-**
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	**021**		**512.888.220.000**	**404.273.500.000**
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		415.860.190.000	225.099.020.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		23.250.890.000	15.302.930.000
TSTC giao dịch cầm cố	021.3		37.500.000.000	135.000.000.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		33.818.640.000	23.258.750.000
TSTC chờ thanh toán	021.5		2.458.500.000	5.612.800.000
TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	**022**		**7.157.600.000**	**7.084.750.000**
TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		7.157.600.000	7.084.750.000
TSTC chờ về của Nhà đầu tư	**023**		**710.100.000**	**4.181.900.000**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm VND*	*Số đầu năm VND*
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tiền gửi của khách hàng	**026**		**9.167.956.944**	**28.542.015.875**
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	**027**		**9.167.956.944**	**28.542.015.875**
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	**030**		**9.167.956.944**	**28.542.015.875**
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		9.167.956.944	28.542.015.875

Dương Quỳnh **Người lập biểu**	**Dương Quỳnh** **Quyền Kế toán trưởng**	**Trần Đức Thuận** **Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		2.693.997.777	1.020.322.445
Lãi bán các tài sản tài chính (FVTPL)	*01.1*	*25a*	*1.876.398.000*	-
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	*01.3*	*25b*	*817.599.777*	*1.020.322.445*
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	*26*	1.900.612.803	885.409.045
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		5.365.556.918	3.856.389.504
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		356.482.331	260.929.926
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		1.395.909.091	1.270.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11	*27*	203.636.986	179.036.785
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	**20**		**11.916.195.906**	**7.472.087.705**
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí hoạt động tự doanh	26		506.128.000	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		4.232.112.991	1.531.978.685
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		682.113.683	415.582.259
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		534.154.273	363.694.767
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 33)	**40**		**5.954.508.947**	**2.311.255.711**
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		163.499.553	65.186.921
Doanh thu khác về đầu tư	44		1.191.643.887	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	**50**	*28*	**1.355.143.440**	**65.186.921**
CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	**62**	*29*	**7.259.844.067**	**8.624.391.652**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-62)	**70**		**56.986.332**	**(3.398.372.737)**

(Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG *(tiếp theo)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71	*30*	4.960.587.948	5.641.564.165
Chi phí khác	72	*31*	896.787.753	865.000.319
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	**70**		**4.063.800.195**	**4.776.563.846**
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70+80)	**90**		**4.120.786.527**	**1.378.191.109**
Lợi nhuận đã thực hiện	91		4.120.786.527	1.378.191.109
CHI PHÍ THUẾ TNDN	**100**		**852.262.850**	**264.818.424**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	*32*	852.262.850	264.818.424
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	**200**		**3.268.523.677**	**1.113.372.685**
Lợi nhuận chia cho đối tác hợp tác đầu tư		*12*	857.983.598	-
Lợi nhuận của cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			2.410.540.079	1.113.372.685
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	**500**		**179**	**82**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	*33*	179	82

Dương Quỳnh	Dương Quỳnh	Trần Đức Thuận
Người lập biểu	**Quyền Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế TNDN	***01***		***4.120.786.527***	***1.378.191.109***
Điều chỉnh cho các khoản	**02**			
Khấu hao TSCĐ	03		597.467.669	837.937.313
Các khoản dự phòng	04		-	32.116.772
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(1.356.052.531)	(65.186.921)
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	***18***			
Lãi khác	21		163.499.553	65.186.921
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***30***		***3.525.701.218***	***2.248.245.194***
(Tăng)/giảm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	31		(17.629.800.000)	-
(Tăng)/giảm các khoản cho vay	33		(21.720.755.166)	-
(Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		132.766.889	23.184.695
(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(198.000.000)	-
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		15.799.891.348	(290.159.450)
Tăng/(giảm) các tài sản khác	40		(247.964.739)	(511.341.814)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		875.178.709	40.321.291
Tăng/(giảm) chi phí trả trước	42		962.529	729.949.887
Thuế TNDN đã nộp	43		(264.818.424)	(943.122.079)
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán	45		(862.055.192)	1.144.256.895
Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		88.041.401	(35.890.871)
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(400.061.794)	154.287.043
Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48		197.778.043	(547.656.483)
Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(185.160.175)	23.552.076.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***60***		***(20.888.295.353)***	***25.564.151.160***

(Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tiếp theo)*

(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	61		(1.075.727.273)	(45.000.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	62		909.091	-
Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	(29.383.000.000)
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		1.191.643.887	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***		***116.825.705***	***(29.428.000.000)***
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay gốc	73		9.000.000.000	-
Tiền vay khác	73.2		9.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(9.000.000.000)	-
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(9.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	**90**		**(20.771.469.648)**	**(3.863.848.840)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**101**	*4*	**144.130.717.086**	**147.994.565.926**
Tiền	101.1		6.130.717.086	2.994.565.926
Các khoản tương đương tiền	101.2		138.000.000.000	145.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**103**	*4*	**123.359.247.438**	**144.130.717.086**
Tiền	103.1		7.359.247.438	6.130.717.086
Các khoản tương đương tiền	103.2		116.000.000.000	138.000.000.000

(Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tiếp theo)*
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		1.929.777.704.616	1.224.353.094.800
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(1.626.337.392.400)	(1.085.033.369.200)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		5.442.624.362.717	3.797.963.248.435
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(5.765.031.905.444)	(3.928.806.265.093)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(406.828.420)	(267.372.219)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	***20***		**(19.374.058.931)**	**8.209.336.723**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	**30**		**28.542.015.875**	**20.332.679.152**
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	***31***		28.542.015.875	20.332.679.152
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		28.542.015.875	20.332.679.152
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	**40**		**9.167.956.944**	**28.542.015.875**
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	***41***		9.167.956.944	28.542.015.875
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		9.167.956.944	28.542.015.875

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Dương Quỳnh **Người lập biểu**	**Dương Quỳnh** **Quyền Kế toán trưởng**	**Trần Đức Thuận** **Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

(Các thuyết minh từ trang 17 đến trang 51 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Chỉ tiêu	*Số đầu năm*		*Số tăng/(giảm)*				*Số cuối năm*	
		Năm trước	*Năm nay*	*Năm trước*		*Năm nay*		*Năm trước*	*Năm nay*
				Tăng	*(Giảm)*	*Tăng*	*(Giảm)*		
		VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
1	Vốn góp của chủ sở hữu	145.584.000.000	145.584.000.000	-	-	-	-	145.584.000.000	145.584.000.000
	Vốn pháp định	*135.000.000.000*	*135.000.000.000*	-	-	-	-	*135.000.000.000*	*135.000.000.000*
	Thặng dư vốn cổ phần	*10.584.000.000*	*10.584.000.000*	-	-	-	-	*10.584.000.000*	*10.584.000.000*
2	Lợi nhuận chưa phân phối	4.520.528.133	5.633.900.818	1.113.372.685	-	2.410.540.079	-	5.633.900.818	8.044.440.897
	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*4.520.528.133*	*5.633.900.818*	*1.113.372.685*	-	*2.410.540.079*	-	*5.633.900.818*	*8.044.440.897*
	Cộng	**150.104.528.133**	**151.217.900.818**	**1.113.372.685**	-	**2.410.540.079**	-	**151.217.900.818**	**153.628.440.897**

Dương Quỳnh
Người lập biểu

Dương Quỳnh
Quyền Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trần Đức Thuận
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008;
- Quyết định số 225/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 01 tháng 04 năm 2009 về việc thay đổi trụ sở kinh doanh;
- Quyết định số 294/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 01 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định số 339/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 12 tháng 07 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 03 năm 2016 về bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 121 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2007 và sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Quy mô vốn

Vốn cổ phần của Công ty là 135.000.000.000 đồng.

Mục tiêu hoạt động: cung cấp dịch vụ hoàn hảo cho các nhà đầu tư, từng bước mở rộng thị trường, đẩy mạnh kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động. Công ty được thành lập với mục đích tham gia cung cấp những nghiệp vụ chứng khoán chuyên nghiệp, góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán với phương châm "An toàn, hiệu quả, chuyên nghiệp và cạnh tranh".

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 "Hạn chế đầu tư" Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Một số nội dung hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

Đầu tư bất động sản, tài sản cố định

Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản cố định được đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (*tiếp theo*)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư trái phiếu
Công ty đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.

Đầu tư tài chính
Công ty không được đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh, cụ thể:

Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty khác có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, ngoại trừ đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

Nhân viên
Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 27 người, trong đó có 10 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 23 người, trong đó có 10 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2006 (ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng
Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (*tiếp theo*)

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chế độ kế toán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014 TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn, sửa đổi bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 334").

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành Báo cáo kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ của hoạt động môi giới và ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của báo cáo tài chính cơ bản.
- Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Công ty đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại thuyết minh số 37.

3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật kế toán mới"). Luật kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Luật kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (*tiếp theo*)

3.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính

Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phái sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Cho vay và phải thu

TSTC không phái sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

TSTC không phái sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

Nợ tài chính theo FVTPL

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính *(tiếp theo)*

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tổn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

3.5 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG *(tiếp theo)*

***3.5 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định** (tiếp theo)*

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	-	7	năm
Tài sản cố định khác	3	-	4	năm
Phần mềm máy tính	5	-	7	năm

3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG *(tiếp theo)*

3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam

3.9 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn không chắc chắn.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

3.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG *(tiếp theo)*

3.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại *(tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.12 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày về tài sản và nợ phải trả của khách hàng

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty (ngoài bảng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

3.13 Quản trị về rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

3.14 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Chỉ tiêu	*Cuối năm* VND	*Đầu năm* VND
Tiền	***7.359.247.438***	***6.130.717.086***
Tiền mặt tại quỹ	6.651.019.422	2.493.214.642
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	708.228.016	3.637.502.444
Các khoản tương đương tiền	***116.000.000.000***	***138.000.000.000***
Tiền gửi có kỳ hạn	116.000.000.000	138.000.000.000
Cộng	**123.359.247.438**	**144.130.717.086**

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 5%-5,4%/năm.

5 GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Chỉ tiêu	*Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm*	*Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm*
a) Của Công ty		
- Cổ phiếu	3.069.150	62.396.198.000
Cộng	**3.069.150**	**62.396.198.000**
b) Của Nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	285.164.045	3.366.073.908.300
Cộng	**285.164.045**	**3.366.073.908.300**

6 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản FVTPL	*Cuối năm*		*Đầu năm*	
	Giá gốc VND	*Giá trị đánh giá lại* VND	*Giá gốc* VND	*Giá trị đánh giá lại* VND
Chứng khoán thương mại				
Cổ phiếu chưa niêm yết – Cổ phiếu SCSC (Thuyết minh 12)	*17.629.800.000*	*21.173.389.800*	-	-
Cộng	**17.629.800.000**	**21.173.389.800**	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

b. Các khoản cho vay

Chỉ tiêu	*Cuối năm*		*Đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị đánh giá lại*	*Giá gốc*	*Giá trị đánh giá lại*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Hoạt động giao dịch ký quỹ	25.403.945.074	25.403.945.074	-	-
Ứng trước tiền bán chứng khoán	909.421.643	909.421.643	4.592.611.551	4.592.611.551
Cộng	**26.313.366.717**	**26.313.366.717**	**4.592.611.551**	**4.592.611.551**

c. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	126.111.111	258.878.000
Cộng	**126.111.111**	**258.878.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7 BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Các loại tài sản tài chính	Cuối năm					Đầu năm				
		Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị năm nay	CL đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị năm trước	CL đánh giá năm trước		Giá trị đánh giá lại
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	**FVTPL**	**17.629.800.000**	**21.173.389.800**	**3.543.589.800**	-	**21.173.389.800**	-	-	-	-	-
1	*Cổ phiếu*	*17.629.800.000*	*21.173.389.800*	*3.543.589.800*	-	*21.173.389.800*	-	-	-	-	-
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) (*) (Thuyết minh 12)	17.629.800.000	21.173.389.800	3.543.589.800	-	21.173.389.800	-	-	-	-	-
II	**Các khoản cho vay và phải thu**	**26.313.366.717**	**26.313.366.717**	-	-	**26.313.366.717**	**4.592.611.551**	**4.592.611.551**	-	-	**4.592.611.551**
	Hoạt động giao dịch ký quỹ	25.403.945.074	25.403.945.074	-	-	25.403.945.074	-	-	-	-	-
	Ứng trước tiền bán chứng khoán	909.421.643	909.421.643	-	-	909.421.643	4.592.611.551	4.592.611.551	-	-	4.592.611.551
	Cộng	**43.943.166.717**	**47.486.756.577**	**3.543.589.800**	-	**47.486.756.577**	**4.592.611.551**	**4.592.611.551**	-	-	**4.592.611.551**

(*) Giá trị thị trường là giá trị ghi sổ dựa trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.

Chênh lệch tăng do đánh giá lại các loại chứng khoán chưa được ghi nhận tăng giá trị đầu tư và doanh thu tương ứng. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại các loại chứng khoán sẽ được điều chỉnh vào báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả hoạt động khi chính sách kế toán về xác định giá trị hợp lý đối với tài sản và nợ phải trả có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 (xem thuyết minh số 3.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8 PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY ĐÃ CUNG CẤP

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Phải thu phí quản lý sổ cổ đông		
Công ty Cổ phần Gemadept	198.000.000	-
Cộng	**198.000.000**	**-**

9 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Phải thu khác ngắn hạn		
Lê Phan Anh Thy	-	25.404.610
Công ty TNHH Quảng Cáo Thịnh Vượng	24.200.000	-
Công ty TNHH TM DV QC Gia Ân	402.422.352	253.693.670
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh	55.000.000	-
Đỗ Thị Thanh Thủy (a)	1.569.000.000	1.569.000.000
Lê Thị Thành (a)	4.069.115.288	4.069.115.288
Thái Thụy Tuyết Hạnh (a)	7.303.000.000	7.303.000.000
Thái Thụy Tuyết Ngân (a)	9.753.339.819	9.753.339.819
Phòng Cảnh sát Điều tra Tội phạm về Kinh tế và Tham nhũng – CA TP.HCM (b)	1.625.835.000	-
Phải thu khách hàng khác	1.549.580	-
Cộng	**24.803.462.039**	**22.973.553.387**

(a) Đã lập dự phòng 100% (Thuyết minh số 10)

(b) Khoản tiền nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra PC46 TP.HCM tại Kho bạc Nhà nước TP.HCM thay cho ông Nguyễn Xuân Trường (nguyên kế toán trưởng của Công ty). Khoản tiền này bao gồm số tiền 800.000.000 đồng do bà Đào Như Ngọc (vợ của ông Nguyễn Xuân Trường) nộp vào Công ty theo Phiếu thu ngày 26 tháng 09 năm 2016 (Thuyết minh số 21) và số tiền 825.835.000 đồng Công ty cho bà Đào Như Ngọc mượn theo Cam kết vay tiền ngày 23 tháng 09 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10 DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

STT	*Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng*	*Giá trị phải thu khó đòi*	*Số trích lập trong năm*	*Số hoàn nhập trong năm*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
		VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
1	**Các khoản phải thu khác**					
	Đỗ Thị Thanh Thủy	1.569.000.000	-	-	1.569.000.000	1.569.000.000
	Lê Thị Thành	4.069.115.288	-	-	4.069.115.288	4.069.115.288
	Thái Thụy Tuyết Hạnh	7.303.000.000	-	-	7.303.000.000	7.303.000.000
	Thái Thụy Tuyết Ngân	9.753.339.819	-	-	9.753.339.819	9.753.339.819
	Cộng	**22.694.455.107**	**-**	**-**	**22.694.455.107**	**22.694.455.107**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Phí phân bổ cước đường truyền	81.720.429	-
Phí phân bổ CCDC	23.375.000	-
Cộng	**105.095.429**	**-**
Chi phí trả trước dài hạn		
Phí sửa chữa văn phòng 121 Lê Lợi	-	73.680.924
Phí phân bổ CCDC	159.891.942	192.268.976
Cộng	**159.891.942**	**265.949.900**

12 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Công ty mua nợ chuyển đổi của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC) theo Hợp đồng mua bán nợ chuyển đổi số SCSC-02/04-2015 được ký vào ngày 09/04/2015. Theo đó, SCSC đồng ý bán một phần nợ chuyển đổi phát hành năm 2015 cho Công ty với giá trị khoản nợ là 29.383.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hợp đồng mua nợ chuyển đổi, lãi suất đơn 4%/năm (lãi suất này sẽ không áp dụng đối với khoản nợ chuyển đổi đã được chuyển đổi thành cổ phần), thanh toán lãi một lần vào ngày tròn năm của khoản nợ chuyển đổi. Khoản nợ sẽ được chuyển đổi thành cổ phần SCSC như sau: sau 12 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 60% số nợ trên thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần, sau 24 tháng kể từ ngày hợp đồng ký kết nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC tăng trên 60% (so với năm trước) thì chuyển đổi 40% số nợ còn lại thành cổ phần SCSC theo mức giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cổ phần. Nếu lợi nhuận trước thuế của SCSC không đạt trên 60% (so với năm trước) thì không thực hiện việc chuyển đổi, SCSC sẽ hoàn trả nợ gốc cho Công ty. Nếu chuyển đổi thì SCSC sẽ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành.

Nguồn vốn thực hiện khoản đầu tư trên bao gồm vốn tự có của Công ty (2.938.000.000 đồng) và vốn huy động (26.445.000.000 đồng). Vốn huy động là vốn nhận được từ Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M). Theo đó, V.N.M sẽ góp vốn tương ứng với tỷ lệ 90% trên tổng vốn dùng để mua nợ chuyển đổi trên và Công ty góp vốn tương ứng với tỷ lệ 10% trên tổng vốn này. Sau khi kết thúc thời hạn hợp tác, hiệu quả hợp tác góp vốn đầu tư được phân chia theo tỷ lệ Công ty và V.N.M là 10:90.

Tại ngày 29 tháng 06 năm 2016, 60% số nợ đã được chuyển đổi thành 1.469.150 cổ phần tương ứng giá trị là 17.629.800.000 đồng (Thuyết minh số 6a) theo Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần số CD2149 do Công ty SCSC cấp cho Công ty (hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày phát hành). Đồng thời Công ty cũng nhận được khoản lãi theo quy định của hợp đồng là 1.191.643.887 đồng (Thuyết minh số 28) trong đó lãi của Công ty được hưởng là 119.164.389 đồng và lãi V.N.M được hưởng là 1.072.479.500 đồng. Theo hợp đồng quy định thì khoản lãi này phải chia sau khi khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 857.983.598 đồng, tuy nhiên, Công ty đã thanh toán toàn bộ 1.072.479.500 đồng tiền lãi cho V.N.M vào ngày 12 tháng 09 năm 2016 mà chưa khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp 214.495.902 đồng. Số thuế thu nhập doanh nghiệp chưa khấu trừ của V.N.M Công ty đã trừ vào khoản vốn góp của V.N.M trên khoản mục phải trả khác (Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	*Máy móc, thiết bị* *VND*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý* *VND*	*Tài sản cố định khác* *VND*	*Cộng* *VND*
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	6.643.441.290	131.753.825	6.775.195.115
Mua mới	122.727.273	-	-	122.727.273
Thanh lý	-	(100.511.178)	-	(100.511.178)
Số cuối năm	122.727.273	6.542.930.112	131.753.825	6.797.411.210
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	6.600.399.643	131.753.825	6.732.153.468
Khấu hao trong năm	22.159.091	43.041.647	-	65.200.738
Thanh lý	-	(100.511.178)	-	(100.511.178)
Số cuối năm	22.159.091	6.542.930.112	131.753.825	6.696.843.028
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	43.041.647	-	43.041.647
Số cuối năm	100.568.182	-	-	100.568.182
Trong đó:				
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	-	6.542.930.112	131.753.825	6.674.683.937

14 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	*Phần mềm* *VND*
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.154.058.000
Tăng trong năm	2.270.000.000
Số cuối năm	3.424.058.000
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	1.054.058.917
Khấu hao trong năm	532.266.931
Số cuối năm	1.586.325.848
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	99.999.083
Số cuối năm	1.837.732.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

15 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.818.087.901	1.749.975.079
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.221.335.542	1.050.624.760
Cộng	**3.159.423.443**	**2.920.599.839**

16 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Sở giao dịch chứng khoán - phí giao dịch	49.291.151	89.358.479
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) - phí lưu ký và chuyển khoản	28.282.481	23.026.294
Cộng	**77.573.632**	**112.384.773**

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Công ty TNHH TM Quả Cầu Vàng	1.470.000.000	870.000.000
Công ty TNHH Du Lịch Tiến Đạt	-	511.005.000
Công ty Cổ phần GP và DV Phần mềm Nam Việt	416.160.000	-
Phải trả người bán khác	13.699.801	108.909.993
Cộng	**1.899.859.801**	**1.489.914.993**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Thuế giá trị gia tăng	64.128.271	111.302.231
Thuế thu nhập doanh nghiệp	852.262.850	264.818.424
Thuế thu nhập cá nhân	304.983.297	631.571.131
Thuế khác	-	26.300.000
Cộng	**1.221.374.418**	**1.033.991.786**

19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Chi phí hoạt động	948.000.000	72.821.291
Cộng	**948.000.000**	**72.821.291**

20 NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN

Khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của Công ty là khoản nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng.

21 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

Chỉ tiêu	*Cuối năm*	*Đầu năm*
	VND	*VND*
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Đào Như Ngọc (Thuyết minh số 9)	800.000.000	-
Khoản phải trả khác	160.571.870	61.441.404
Cộng	**960.571.870**	**61.441.404**
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác		
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M) (*)	26.230.504.098	26.445.000.000
Cộng	**26.230.504.098**	**26.445.000.000**

(*) Khoản phải trả dài hạn khác là khoản Công ty nhận vốn góp theo Hợp đồng hợp tác góp vốn đầu tư số 01/ISC-2015/ISC với Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M) (Thuyết minh số 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	*Tỷ lệ sở hữu*	*Cuối năm*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Đầu năm*
	%	*VND*	*%*	*VND*
Công ty CP Đại lý Liên hiệp vận chuyển	9,80	13.230.000.000	9,80	13.230.000.000
Công ty CP Hàng hải Ngân Hà	9,80	13.230.000.000	9,80	13.230.000.000
Công ty CP Bông Sen Vàng	9,80	13.230.000.000	9,80	13.230.000.000
Công ty TNHH DV Vận tải tổng hợp (V.N.M)	9,80	13.230.000.000	9,80	13.230.000.000
Ông Lê Quang Sự (*)	0,00	-	0,52	700.000.000
Ông Trần Đức Thuận	4,90	6.615.000.000	4,90	6.615.000.000
Ông Ngô Thọ Nguyên	4,90	6.615.000.000	4,90	6.615.000.000
Bà Trần Kiều Minh	4,90	6.615.000.000	4,90	6.615.000.000
Bà Trần Thị Khôi Nguyên	4,60	6.210.000.000	4,60	6.210.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hải	4,50	6.075.000.000	4,50	6.075.000.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	4,50	6.075.000.000	4,50	6.075.000.000
Bà Dương Quỳnh	4,50	6.075.000.000	4,50	6.075.000.000
Bà Nguyễn Thị Ái Vân	4,00	5.400.000.000	4,00	5.400.000.000
Bà Bùi Thị Song Thái	4,00	5.400.000.000	4,00	5.400.000.000
Bà Trần Thị Thu Thảo	3,90	5.260.000.000	3,90	5.260.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	4,41	5.960.000.000	3,90	5.260.000.000
Ông Phạm Văn Thành	3,90	5.260.000.000	3,90	5.260.000.000
Bà Trần Thị Bích Hạnh	3,90	5.260.000.000	3,90	5.260.000.000
Bà Ngô Thị Thanh	3,90	5.260.000.000	3,90	5.260.000.000
Cộng	**100,00**	**135.000.000.000**	**100,00**	**135.000.000.000**

(*) Ông Lê Quang Sự chuyển nhượng 70.000 cổ phần với tổng mệnh giá là 700.000.000 đồng cho Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh theo Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 22 tháng 01 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23 CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

Chỉ tiêu	*Năm này*	*Năm trước*
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.500.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	*13.500.000*	*13.500.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	*13.500.000*	*13.500.000*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

24 PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	*Cuối năm* *VND*	*Đầu năm* *VND*
Phải trả gốc giao dịch ký quỹ	25.403.945.074	-
Phải trả gốc giao dịch ký quỹ của NĐT trong nước	*25.403.945.074*	-
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	909.421.643	4.592.611.551
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT trong nước	*909.421.643*	*4.592.611.551*
Cộng	**26.313.366.717**	**4.592.611.551**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

25 LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

a. Lãi/ lỗ bán các tài sản tài chính

STT	*Danh mục các khoản đầu tư*	*Số lượng*	*Giá bán bình quân*	*Tổng giá trị bán*	*Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch*	*Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay*	*Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước*
			VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
A	**B**	**1**	**2**	**3=(1*2)**	**4**	**5=(3-4)**	**7**
I	**Lãi bán**						
1	Cổ phiếu niêm yết						
	GMD	800.000	29.152	23.321.398.000	21.445.000.000	1.876.398.000	-
	Cộng	**800.000**	**29.152**	**23.321.398.000**	**21.445.000.000**	**1.876.398.000**	**-**

b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	817.599.777	1.020.322.445
Cộng	**817.599.777**	**1.020.322.445**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

26 LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Tiền lãi gốc cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ	1.154.843.228	-
Tiền lãi gốc cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	745.769.575	885.409.045
Cộng	**1.900.612.803**	**885.409.045**

27 THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Lãi phân bổ Quỹ hỗ trợ thanh toán	170.710.782	162.841.252
Thu nhập khác	32.926.204	16.195.533
Cộng	**203.636.986**	**179.036.785**

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Lãi tiền gửi không cố định	163.499.553	65.186.921
Lãi mua nợ chuyển đổi (Thuyết minh số 12)	1.191.643.887	-
Cộng	**1.355.143.440**	**65.186.921**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	3.388.449.005	4.121.645.167
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	231.265.600	590.912.000
Chi phí văn phòng phẩm	1.950.000	35.355.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	186.749.273	81.591.314
Chi phí khấu hao TSCĐ	602.844.016	837.937.313
Chi phí thuế, phí và lệ phí	187.522.396	182.145.775
Chi phí dự phòng	-	32.116.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.291.003.602	2.340.672.634
Chi phí khác	370.060.175	402.015.677
Cộng	**7.259.844.067**	**8.624.391.652**

30 THU NHẬP KHÁC

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Thanh lý TSCĐ - CCDC	3.181.818	3.636.364
Cho thuê mặt bằng (*)	4.957.404.270	5.068.603.267
Thu nhập khác	1.860	569.324.534
Cộng	**4.960.587.948**	**5.641.564.165**

(*) Công ty tận dụng mặt bằng chưa sử dụng để cho thuê tạo thêm thu nhập.

31 CHI PHÍ KHÁC

Chỉ tiêu	*Năm nay* *VND*	*Năm trước* *VND*
Chi phí phạt, bồi thường	7.760.832	60.000.000
Cho thuê mặt bằng	762.876.998	785.000.319
Chi phí khác	126.149.923	20.000.000
Cộng	**896.787.753**	**865.000.319**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ tiêu	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
Lợi nhuận kế toán (1)	4.120.786.527	1.378.191.109
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	266.638.832	84.407.000
Chi phí phạt và không có chứng từ	*7.760.832*	*84.407.000*
Lãi dự thu năm trước	*258.878.000*	-
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	(126.111.111)	(258.878.000)
Lãi dự thu năm nay	*(126.111.111)*	*(258.878.000)*
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	4.261.314.248	1.203.720.109
Thu nhập tính thuế (5)	4.261.314.248	1.203.720.109
Thuế suất (6)	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (7) = (5) * (6)	**852.262.850**	**264.818.424**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	264.818.424	943.122.079
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(264.818.424)	(943.122.079)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**852.262.850**	**264.818.424**

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã được quyết toán với cơ quan thuế đến năm 2010.

33 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Chỉ tiêu	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	**3.268.523.677**	**1.113.372.685**
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2) (Thuyết minh số 12)	(857.983.598)	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	**2.410.540.079**	**1.113.372.685**
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (4)	13.500.000	13.500.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	**179**	**82**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

34 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ				*Giá trị hợp lý*	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*		*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.359.247.438	-	144.130.717.086	-	123.359.247.438	144.130.717.086
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	17.629.800.000	-	-	-	21.173.389.800	-
Các khoản cho vay	26.313.366.717	-	4.592.611.551	-	26.313.366.717	4.592.611.551
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	126.111.111	-	258.878.000	-	126.111.111	258.878.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	198.000.000	-	-	-	198.000.000	-
Các khoản phải thu khác	24.003.462.039	22.694.455.107	22.973.553.387	22.694.455.107	1.309.006.932	279.098.280
Đầu tư dài hạn khác	11.753.200.000	-	29.383.000.000	-	11.753.200.000	29.383.000.000
Cộng	**203.383.187.305**	**22.694.455.107**	**201.338.760.024**	**22.694.455.107**	**184.232.321.998**	**178.644.304.917**
Nợ tài chính						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	77.573.632	-	112.384.773	-	77.573.632	112.384.773
Phải trả người bán ngắn hạn	1.899.859.801	-	1.489.914.993	-	1.899.859.801	1.489.914.993
Chi phí phải trả ngắn hạn	948.000.000	-	72.821.291	-	948.000.000	72.821.291
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000	-	408.240.000	-	408.240.000	408.240.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	511.320.000	-	488.320.000	-	511.320.000	488.320.000
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	160.571.870	-	61.441.404	-	160.571.870	61.441.404
Phải trả, phải nộp khác dài hạn	26.230.504.098	-	26.445.000.000	-	26.230.504.098	26.445.000.000
Cộng	**30.236.069.401**	**-**	**29.078.122.461**	**-**	**30.236.069.401**	**29.078.122.461**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị sổ sách.

35 QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

b. Rủi ro tín dụng

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên Báo cáo tình hình tài chính. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay, các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

c. Rủi ro thanh khoản (*tiếp theo*)

Nợ tài chính	*Dưới 1 năm*	*Từ 1 đến 5 năm*	*Trên 5 năm*	*Cộng*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Đầu năm				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	112.384.773	-	-	112.384.773
Phải trả người bán ngắn hạn	1.489.914.993	-	-	1.489.914.993
Chi phí phải trả ngắn hạn	72.821.291	-	-	72.821.291
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000	-	-	408.240.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	488.320.000	-	-	488.320.000
Phải trả, phải nộp khác	61.441.404	26.445.000.000	-	26.506.441.404
Cuối năm				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	77.573.632	-	-	77.573.632
Phải trả người bán ngắn hạn	1.899.859.801	-	-	1.899.859.801
Chi phí phải trả ngắn hạn	948.000.000	-	-	948.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	408.240.000	-	-	408.240.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	511.320.000	-	-	511.320.000
Phải trả, phải nộp khác	160.571.870	26.230.504.098	-	26.391.075.968

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc năm tài chính như sau:

Tài sản tài chính	*Giá trị ghi sổ*	*Trong đó*	
		Quá hạn	*Giảm giá*
	VND	*VND*	*VND*
Các khoản phải thu ngắn hạn	24.003.462.039	22.694.455.107	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

36 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đối tượng	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Giá trị VND*
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M)	Cổ đông	Tiền lãi hợp tác đầu tư	1.072.479.500

b. Số dư công nợ phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đối tượng	*Mối quan hệ*	*Phải trả VND*
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp (V.N.M)	Cổ đông	26.230.504.098

c. Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt:

Đối tượng	*Giao dịch*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
Hội đồng Quản trị	Thù lao	720.000.000	720.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	576.000.000	-
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	Lương, phụ cấp và các lợi ích khác	1.075.016.264	995.836.235

37 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là các thông tin trên các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI).

Trong năm 2016, do ảnh hưởng của việc thay đổi chế độ kế toán như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1 nên một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH *(tiếp theo)*

a. Báo cáo tình hình tài chính

Các khoản mục tài sản, nợ phải trả của Công ty được phân loại lại. Tài sản và nợ phải trả của nhà đầu tư được tách ra theo dõi ngoại bảng của báo cáo tình hình tài chính.

Khoản mục	*Diễn giải*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)*	*Điều chỉnh theo Thông tư 334*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (phân loại lại)*
		VND	*VND*	*VND*
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
Tiền	[1]	34.672.732.961	(28.542.015.875)	6.130.717.086
Các khoản cho vay (*)	[3]	-	4.592.611.551	4.592.611.551
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận (*)	[3]	-	258.878.000	258.878.000
Phải thu khách hàng (**)	[3]	279.098.280	(279.098.280)	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	[3]	4.592.611.551	(4.592.611.551)	-
Các khoản phải thu khác	[3]	22.970.237.574	3.315.813	22.973.553.387
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	[4]	(22.726.571.879)	32.116.772	(22.694.455.107)
Tạm ứng (*)	[4]	-	355.872.087	355.872.087
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	[4]	-	12.999.700	12.999.700
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	[4]	1.000.000	(1.000.000)	-
Tài sản ngắn hạn khác	[4]	368.871.787	(368.871.787)	-
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác (*)	[4]	-	(32.116.772)	(32.116.772)
Cộng		**40.157.980.274**	**(28.559.920.342)**	**11.598.059.932**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH *(tiếp theo)*

a. Báo cáo tình hình tài chính *(tiếp theo)*

Khoản mục	*Diễn giải*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đã trình bày)* *VND*	*Điều chỉnh theo Thông tư 334* *VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (phân loại lại)* *VND*
C. NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả ngắn hạn				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	[3]	1.034.991.786	(1.000.000)	1.033.991.786
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên (*)	[3]	-	94.640.521	94.640.521
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	[3]	-	488.320.000	488.320.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	[1]	29.203.322.267	(29.141.880.863)	61.441.404
Cộng		**30.238.314.053**	**(28.559.920.342)**	**1.678.393.711**

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 334
(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[1] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng
[2] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định Thông tư 334
[3] Phân loại lại các khoản mục phải trả theo quy định Thông tư 334
[4] Phân loại khác

b. Báo cáo kết quả hoạt động

Các khoản mục thu nhập và chi phí Công ty được phân loại lại.

Khoản mục	*Diễn giải*	*Năm 2015 (số liệu đã trình bày)* *VND*	*Điều chỉnh theo Thông tư 334* *VND*	*Năm 2015 (phân loại lại)* *VND*
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[5]	-	1.020.322.445	1.020.322.445
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[5]	-	885.409.045	885.409.045
Thu nhập hoạt động khác (*)	[5]	2.149.955.196	(1.970.918.411)	179.036.785
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (**)		**7.537.274.626**	**(7.537.274.626)**	**-**
Cộng Doanh thu hoạt động (*)		**7.537.274.626**	**(65.186.921)**	**7.472.087.705**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH *(tiếp theo)*

b. Báo cáo kết quả hoạt động *(tiếp theo)*

Khoản mục	*Diễn giải*	*Năm 2015 (số liệu đã trình bày)*	*Điều chỉnh theo Thông tư 334*	*Năm 2015 (phân loại lại)*
		VND	*VND*	*VND*
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí hoạt động kinh doanh (**)	[6]	**2.783.618.670**	**(2.783.618.670)**	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (*)	[6]	-	1.531.978.685	1.531.978.685
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán (*)	[6]	-	415.582.259	415.582.259
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính (*)	[6]	-	363.694.767	363.694.767
Cộng chi phí hoạt động (*)		**-**	**2.311.255.711**	**2.311.255.711**
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định (*)	[5]	-	65.186.921	65.186.921
Chi phí quản lý CTCK (*)	[6]	8.152.028.693	472.362.959	8.624.391.652
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (**)		4.753.655.956	(4.753.655.956)	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (**)		**(3.398.372.737)**	**3.398.372.737**	-
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (*)		**-**	**(3.398.372.737)**	**(3.398.372.737)**

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư 334
(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không còn được trình bày theo Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[5] Phân loại lại các khoản mục doanh thu theo quy định của Thông tư 334
[6] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH *(tiếp theo)*

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các dòng lưu chuyển tiền của Công ty được phân loại lại.

Khoản mục	*Diễn giải*	*Năm 2015 (số liệu đã trình bày)* *VND*	*Điều chỉnh theo Thông tư 334* *VND*	*Năm 2015 (phân loại lại)* *VND*
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Điều chỉnh cho các khoản				
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	[7]	(1.248.350.618)	1.183.163.697	(65.186.921)
Giảm các doanh thu phi tiền tệ (*)				
Lãi khác (*)	[7]	-	65.186.921	65.186.921
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		**999.894.576**	**1.248.350.618**	**2.248.245.194**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
(Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC (*)	[7]	-	23.184.695	23.184.695
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác (*)	[7]	-	(290.159.450)	(290.159.450)
(Tăng)/giảm các tài sản khác (*)	[7]	-	(511.341.814)	(511.341.814)
(Tăng)/giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) (*)	[7]	-	40.321.291	40.321.291
Tăng/(giảm) phải trả cho người bán (*)	[7]	-	1.144.256.895	1.144.256.895
Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên (*)	[7]	-	(35.890.871)	(35.890.871)
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp) (*)	[7]	-	154.287.043	154.287.043
Tăng/(giảm) phải trả người lao động (*)	[7]	-	(547.656.483)	(547.656.483)
Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	[7]	-	23.552.076.852	23.552.076.852
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	[7]	(10.000.000)	10.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	[7]	(211.182.364)	211.182.364	-
(Tăng)/giảm các khoản phải thu (**)	[7]	(266.974.755)	266.974.755	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (**)	[7]	32.226.572.000	(32.226.572.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		**32.525.137.265**	**(6.960.986.105)**	**25.564.151.160**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH *(tiếp theo)*

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ *(tiếp theo)*

Các dòng lưu chuyển tiền của Công ty được phân loại lại *(tiếp theo)*

Khoản mục	*Diễn giải*	*Năm 2015 (số liệu đã trình bày)*	*Điều chỉnh theo Thông tư 334*	*Năm 2015 (phân loại lại)*
		VND	*VND*	*VND*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (**)	[7]	1.248.350.618	(1.248.350.618)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		**(28.179.649.382)**	**(1.248.350.618)**	**(29.428.000.000)**
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm		**4.345.487.883**	**(8.209.336.723)**	**(3.863.848.840)**
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		**168.327.245.078**	**(20.332.679.152)**	**147.994.565.926**
Tiền (*)	[7]	-	147.994.565.926	147.994.565.926
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		**172.672.732.961**	**(28.542.015.875)**	**144.130.717.086**
Tiền (*)	[7]	-	6.130.717.086	6.130.717.086
Các khoản tương đương tiền (*)	[7]	-	138.000.000.000	138.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

37. THÔNG TIN SO SÁNH *(tiếp theo)*

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ *(tiếp theo)*

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng được tách ra trình bày riêng trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Khoản mục	*Diễn giải*	*Năm 2015 (số liệu đã trình bày)*	*Điều chỉnh theo Thông tư 334*	*Năm 2015 (phân loại lại)*
		VND	*VND*	*VND*
I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng (*)	[7]			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	[7]	-	1.224.353.094.800	1.224.353.094.800
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	[7]	-	(1.085.033.369.200)	(1.085.033.369.200)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	[7]	-	3.797.963.248.435	3.797.963.248.435
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	[7]	-	(3.928.806.265.093)	(3.928.806.265.093)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	[7]	-	(267.372.219)	(267.372.219)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm (*)	[7]	-	**8.209.336.723**	**8.209.336.723**
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng (*)	[7]	-	**20.332.679.152**	**20.332.679.152**
Tiền gửi ngân hàng đầu năm (*):	[7]	-	20.332.679.152	20.332.679.152
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (*)	[7]	-	*20.332.679.152*	*20.332.679.152*
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (*)	[7]	-	**28.542.015.875**	**28.542.015.875**
Tiền gửi ngân hàng cuối năm (*):	[7]	-	28.542.015.875	28.542.015.875
-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (*)	[7]	-	*28.542.015.875*	*28.542.015.875*

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo Thông tư 334
(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không còn được trình bày theo Thông tư 334

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[7] Phân loại lại các dòng tiền theo quy định của Thông tư 334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

38 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Dương Quỳnh **Người lập biểu**	**Dương Quỳnh** **Quyền Kế toán trưởng**	**Trần Đức Thuận** **Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017